

TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 104

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	01	Trần Thị A		03/3 1988	Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
2	02	Nguyễn Dân An		25/01 1989	Xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	
3	03	Nguyễn Thị Thúy An		18/4 1988	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
4	04	Đào Quốc Anh	16/02 1988		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
5	05	Đỗ Duy Anh	25/3 1993		Xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	
6	06	Huỳnh Tuyết Anh		16/10 1990	Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
7	07	Lê Quốc Anh	25/02 1984		Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
8	08	Nguyễn Kim Anh		21/7 1993	Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
9	09	Nguyễn Thúy Anh		12/3 1989	Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
10	10	Nguyễn Văn Anh		09/8 1992	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
11	11	Phạm Mai Anh		19/12 1986	Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
12	12	Phạm Tuấn Anh	31/5 1994		TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
13	13	Phan Thế Anh	20/10 1987		Xã Khánh Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	
14	14	Trần Tú Anh		03/12 1986	Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
15	15	Trần Tuấn Anh	16/8 1987		Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
16	16	Thạch Thị Bé		20/9 1991	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
17	17	Nguyễn Thị Bền		12/6 1988	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, Cà Mau	
18	18	Trịnh Thị Bích		10/8 1996	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
19	19	Tô Thị Biên		01/01 1988	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
20	20	Phạm Tấn Bước	10/10 1979		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
21	21	Phạm Minh Can	10/5 1983		Xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
22	22	Đặng Chí Cần	02/4 1987		Xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
23	23	Huỳnh Hoàng Cận	27/01/ 1990		Xã Trần Học, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
24	24	Lâm Hoàn Cầu	17/10 1997		Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
25	25	Lê Thành Châu	01/9 1982		Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
26	26	Cao Diễm Chi		05/11 1990	Huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	
27	27	Đinh Lan Chi		19/9 1998	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
28	28	Nguyễn Kim Chi		19/5 1992	Xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
29	29	Trịnh Thị Ái Chi		04/12 1988	Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
30	30	Hoàng Thị Chiên		20/10 1982	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	
31	31	Nguyễn Quốc Chín	04/4 1986		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
32	32	Trương Văn Chơn	01/01 1983		Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 105

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	33	Hồ Ngọc Chuyên		05/12 1997	Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
2	34	Lê Chí Công	25/12 1982		Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
3	35	Lê Chí Công	07/10 1976		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
4	36	Nguyễn Chí Công	04/4 1985		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
5	37	Trần Chí Công	09/9 1987		Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
6	38	Trần Văn Công	01/8 1988		Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
7	39	Nguyễn Kim Cúc		25/10 1983	Xã Tân An Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
8	40	Lê Minh Cuộc	02/02 1986		Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
9	41	Nguyễn Văn Cuộc	04/12 1985		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
10	42	Đoàn Kim Cương		12/4 1998	Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
11	43	Phan Văn Cương	01/01 1984		Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
12	44	Lâm Thái Cường	19/5 1983		Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
13	45	Nguyễn Minh Cường	21/01 1992		Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
14	46	Đặng Thành Danh	23/9 1990		Tỉnh Bạc Liêu	
15	47	Hồ Công Danh	19/6 1988		Xã Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
16	48	Lê Công Danh	07/5 1984		Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	



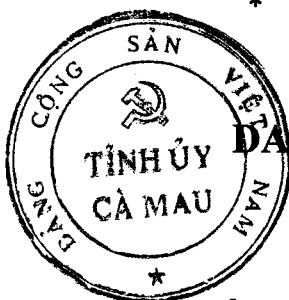
TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	49	Trần Thuận Danh	1989		Xã Tân Dân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	
18	50	Huỳnh Thanh Dân	1986		Xã Trần Hội, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
19	51	Châu Kiều Diễm		14/4 1989	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
20	52	Nguyễn Kiều Diễm		09/9 1991	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
21	53	Nguyễn Kiều Diễm		06/3 1983	Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	54	Nguyễn Thị Diễm		08/3 1987	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
23	55	Nguyễn Thị Kiều Diễm		06/7 1989	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
24	56	Huỳnh Tấn Diên	16/6 1989		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
25	57	Phạm Kiều Diễm		08/01 1994	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
26	58	Nguyễn Thị Mỹ Diện		16/8 1992	Xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	
27	59	Phan Ngọc Diệu		17/10 1984	Phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	
28	60	Lê Bi Dol	19/11 1984		Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
29	61	Trần Thị Dung		20/6 1984	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	
30	62	Nguyễn Đại Dương	03/02 1987		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
31	63	Phan Thị Thùy Dương		12/12 1993	Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
32	64	Trần Minh Dương	18/12 1989		Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

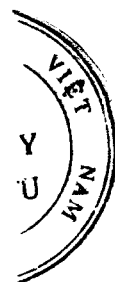
Phòng thi số: 106

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	65	Trịnh Âu Dương	27/4 1984		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
2	66	Trịnh Quốc Dương	1987		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
3	67	Phạm Phúc Duy	24/8 1992		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
4	68	Võ Thanh Duy	01/12 1990		Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
5	69	Tô Thị Ái Duyên		20/02 1989	Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
6	70	Vưu Lan Duyên		07/11 1986	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
7	71	Nguyễn Thị Cẩm Đà		27/12 1989	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
8	72	Nguyễn Sa Đàm	26/5 1990		Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
9	73	Trần Hải Đăng	10/12 1988		Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
10	74	Huỳnh Trúc Đào		07/11 1981	Xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
11	75	Võ Hồng Đào		16/6 1986	Đầm Dơi, Cà Mau	
12	76	Phạm Tấn Đạt	19/4 1987		TT Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
13	77	Trịnh Tấn Đạt	15/8 1984		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
14	78	Vương Minh Đạt	03/11 1989		Tỉnh Cà Mau	
15	79	Thái Thanh Đen	15/7 1985		Xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
16	80	Nguyễn Thành Đệ	03/7 1986		Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	81	Trần Hồng Diễm		15/02 1990	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
18	82	Đoàn Nguyệt Đình		18/6 1990	Xã Khánh An, huyện U Mính, tỉnh Cà Mau	
19	83	Nguyễn Thị Hồng Đình		10/10 1980	Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	
20	84	Đặng Trung Đoàn	1983		Huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
21	85	Lý Công Đoàn	1982		Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
22	86	Lý Minh Đoàn	25/6 1981		Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
23	87	Nguyễn Công Đoàn	08/5 1990		Xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
24	88	Khuru Minh Đồi	1990		Xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	
25	89	Lê Thượng Đức	08/8 1990		Xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
26	90	Trần Thiện Đức	23/8 1988		Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
27	91	Trần Trọng Đức	15/3 1987		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
28	92	Vương Minh Dương	20/10 1985		Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
29	93	Lâm Thị Hồng Gấm		25/10 1984	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	
30	94	Nguyễn Hồng Gấm		20/10 1997	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
31	95	Đặng Trường Giang	20/12 1983		Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
32	96	Nguyễn Trường Giang	03/6 1994		Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	



Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 107

Số lượng thí sinh: 31

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	97	Nguyễn Trường Giang	15/01 1985		Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
2	98	Quách Huỳnh Giang	01/11 1985		Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
3	99	Lê Hữu Giáp	23/3 1984		Huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
4	100	Nguyễn Ngọc Giàu		07/11 1990	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
5	101	Đặng Ánh Gương		07/9 1998	Xã Tân Hưng Tây, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
6	102	Nguyễn Thị Thu Hà		19/02 1984	Huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	
7	103	Thái Thị Minh Hạ		11/11 1992	Xã Đức Giang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	
8	104	Nguyễn Ngọc Hân		29/01 1992	Xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
9	105	Nguyễn Trường Hận	03/10 1990		Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
10	106	Lữ Ngọc Hằng		04/9 1981	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
11	107	Nguyễn Trúc Hằng		07/01 1986	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
12	108	Lê Thị Diệu Hiền		27/11 1987	Xã Lý Văn Lâm, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
13	109	Ngô Thu Hiền		16/8 1990	Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
14	110	Trần Nghĩa Hiệp	01/7 1988		Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
15	111	Nguyễn Hoàng Hiếu	13/11 1986		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
16	112	Nguyễn Trọng Hiếu	15/8 1995		Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
17	113	Trần Kim Hiếu	01/01 1994		Tỉnh Cà Mau	
18	114	Võ Trung Hiếu	16/5 1989		Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
19	115	Nguyễn Đông Hồ	28/8 1990		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
20	116	Nguyễn Văn Hồ	20/7 1986		Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
21	117	Trần Khánh Hội	11/5 1995		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	118	Nguyễn Kim Hồng		15/10 1980	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
23	119	Cao Ngọc Hoài		15/3 1985	Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
24	120	Phạm Chí Hoài	14/8 1984		Xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
25	121	Bùi Thanh Hoàng	13/9 1990		Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
26	122	Trần Minh Hoàng	01/12 1965		Xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	
27	123	Dương Tý Hon		07/07 1985	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
28	124	Lê Kim Huệ		17/01 1984	Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
29	125	Nguyễn Thạch Hùng	30/5 1985		Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
30	126	Nguyễn Thanh Hùng	10/9 1983		Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
31	128	Biện Quốc Hương	11/10 1988		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

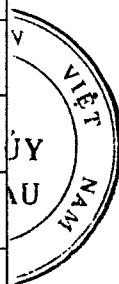
Phòng thi số: 108

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	129	Phạm Thị Diệu Hương		17/11 1986	Xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
2	130	Phạm Trọng Hữu	03/9 1990		Xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	
3	131	Tô Minh Hữu	01/12 1988		Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
4	132	Lâm Ngọc Huyền		20/12 1988	Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
5	133	Lê Văn Huynh	01/01 1988		Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
6	134	Huỳnh Như Huỳnh		08/3 1997	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
7	135	Trần Trung Kết	21/7 1987		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
8	136	Nguyễn Minh Kha	13/3 1993		Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
9	137	Đinh Quốc Khải	01/11 1987		Xã Trần Thới, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
10	138	Nguyễn Vũ Khanh	05/12 1996		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
11	139	Lưu Quốc Khánh	26/9 1990		Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
12	140	Nguyễn Quốc Khánh	20/7 1995		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
13	141	Phạm Phú Khánh	13/8 1988		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
14	142	Trương Thành Khánh	28/10 1991		Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
15	143	Nguyễn Anh Khoa	10/8 1988		Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
16	144	Nguyễn Đăng Khoa	22/3 1989		Xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	145	Phạm Y Khoa	20/5 1985		Xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	
18	146	Trương Văn Khoái	25/3 1985		Xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
19	147	Lâm Văn Khởi	17/02 1975		Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
20	148	Trịnh Quốc Khởi	20/6 1986		Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
21	149	Phạm Hữu Khuỳnh	12/4 1987		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	150	Huỳnh Diễm Kiều		16/8 1988	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
23	151	Nguyễn Văn Kiều	20/12 1984		Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
24	152	Trần Thị Kiều		25/01 1986	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
25	153	Ký Bé Lại		04/11 1984	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
26	154	Nguyễn Phương Lam		15/4 1985	Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
27	155	Võ Thanh Lam	05/9 1991		Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
28	156	Huỳnh Huyền Lan		1984	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
29	157	Trần Chi Lăng	17/02 1987		Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
30	158	Nguyễn Hồng Lánh		27/7 1982	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
31	159	Lê Hồng Lạt		10/9 1987	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
32	160	Đoàn Hồng Le		20/3 1987	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

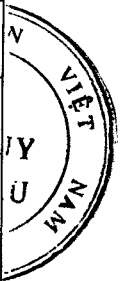
Phòng thi số: 109

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	161	Trịnh Sa Lem	01/10 1983		Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
2	162	Trần Công Lệnh	14/12 1985		Xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
3	163	Dương Thị Thúy Liễu		02/8 1989	Xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
4	164	Nguyễn Duy Lil	1976		Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
5	165	Nguyễn Minh Lil	20/01 1983		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
6	166	Dương Thị Thùy Linh		15/11 1985	Xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	
7	167	Dương Thùy Linh		07/02 1990	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
8	168	Huỳnh Diễm Linh		18/12 1988	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	
9	169	Lý Chí Linh	08/01 1989		Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
10	170	Ngô Hải Linh		04/10 1990	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
11	171	Ngô Hoàng Linh	22/12 1995		TT. Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
12	172	Ngô Nhật Linh	06/11 1997		Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
13	173	Ngô Thùy Linh		23/6 1982	Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
14	174	Nguyễn Chúc Linh		15/01 1993	Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
15	175	Nguyễn Thị Linh		24/10 1983	Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
16	176	Nguyễn Thị Mỹ Linh		20/10 1992	Xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	177	Nguyễn Thị Trúc Linh		07/7 1998	Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
18	178	Phạm Mỹ Linh		24/5 1996	Xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
19	179	Trần Mộng Linh		29/3 1978	Xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	
20	180	Trần Phương Linh	04/7 1987		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
21	181	Trần Thùy Linh		20/3 1984	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
22	182	Trương Chúc Linh		27/3 1989	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
23	183	Trương Thị Trúc Linh		10/5 1986	Phường 5, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
24	184	Võ Phương Linh		08/3 1992	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
25	185	Trương Công Lịnh	26/7 1990		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
26	186	Đặng Thị Cẩm Loan		18/5 1982	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
27	187	Lê Cẩm Loan		22/8 1992	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
28	188	Nguyễn Thúy Loan		09/6 1984	Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
29	189	Trần Hoàng Long	03/11 1988		Xã Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
30	190	Trương Thùy Lua		16/02 1986	Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
31	191	Lê Công Lực	19/6 1996		Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
32	192	Phạm Trúc Ly	28/10 1987		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 207

Số lượng thí sinh: 31

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	193	Phan Trúc Ly		30/7 1988	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
2	194	Trịnh Trúc Ly		04/4 1996	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
3	195	Nguyễn Công Lý	31/10 1987		Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
4	196	Nguyễn Hải Lý	25/10 1980		Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
5	198	Quách Thị Thiên Lý		15/12 1986	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
6	199	Ngô Thị Tuyết Mai		15/02 1985	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
7	200	Lưu Minh Mẫn	01/11 1990		Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
8	201	Trần Minh Mẫn	19/9 1987		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
9	202	Nguyễn Văn Mến	25/4 1996		Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
10	203	Phạm Thị Mến		16/7 1990	Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
11	204	Quách Ngọc Mến		01/02 1987	Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
12	205	Nguyễn Kiều Mi		30/9 1988	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
13	206	Phạm Thị Diễm Mi		16/3 1989	Xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	
14	207	Nguyễn Thị Mị		15/6 1995	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
15	208	Lê Hằng Mơ		29/7 1987	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
16	209	Lê Thị Hằng Mơ		02/7 1987	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	210	Nguyễn Thị Hồng Mơ		15/02 1992	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
18	211	Nguyễn Thị Như Mơ		20/7 1994	Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
19	212	Võ Hằng Mơ		17/9 1990	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
20	213	Cao Thanh Mộng	20/5 1988		Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
21	214	Lê Thị Mộng		10/6 1992	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
22	215	Nguyễn Linh Muội		16/9 1991	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
23	216	Trịnh Hồng Muội		02/9 1989	Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
24	217	Đỗ Huỳnh My		07/7 1997	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
25	218	Huỳnh Hà My		21/4 1995	Huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	
26	219	Huỳnh Kiều My		01/01 1992	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
27	220	Huỳnh Kiều My		09/01 1995	Xã An Xuyên, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
28	221	Lê Kiều My		09/01 1995	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
29	222	Ngô Diễm My		17/12 1986	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
30	223	Nguyễn Kiều My		26/02 1989	Xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
31	224	Phan Diễm My		06/5 1990	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 208

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	225	Tiêu Diễm My		15/5 1994	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
2	226	Trần Kiều My		24/10 1982	Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
3	227	Nguyễn Hoài Nam	15/6 1987		Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
4	228	Nguyễn Hoài Nam	30/10 1989		Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
5	229	Trần Quốc Nam	01/01 1982		Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
6	230	Huỳnh Kiều Nga		19/9 1981	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
7	231	Nguyễn Thị Nga		09/10 1982	Xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
8	232	Nguyễn Thị Thúy Nga		12/12 1989	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
9	233	Đỗ Thùy Ngân		15/11 1988	Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
10	234	Nguyễn Thị Thu Ngân		27/12 1987	Xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
11	235	Võ Kim Ngân		24/4 1991	Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
12	236	Nguyễn Phụng Nghi		14/02 1997	Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
13	237	Nguyễn Thị Hồng Nghi		02/10 1986	Xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
14	238	Phạm Hồng Nghi		12/4 1986	Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
15	239	Trần Trọng Nghĩa	06/9 1992		Xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	
16	240	Mai Thành Ngô	09/9 1988		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	241	Tô Ngọc Ngờ		01/01 1984	Xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
18	242	Đoàn Như Ngọc		05/12 1983	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
19	243	Lê Đỗ Như Ngọc		16/8 1996	Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
20	244	Phan Khánh Ngọc		23/02 1985	Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
21	245	Trần Hồng Ngọc		19/9 1996	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
22	246	Nguyễn Hoàng Ngời	01/4 1983		Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
23	247	Phùng Thanh Ngời	13/4 1991		Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
24	248	Hồ Thị Thảo Nguyên		15/8 1996	Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
25	249	Huỳnh Tú Nguyên		01/01 1992	Xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
26	250	Nguyễn Thái Nguyên	01/01 1985		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
27	251	Phan Thị Thảo Nguyên		16/7 1997	Xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
28	252	Trà Thị Phương Nguyên		05/01 1996	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
29	253	Phan Văn Nguyên	19/01 1985		Xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
30	254	Châu Văn Nguyễn	10/10 1987		Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
31	255	Lê Trọng Nguyễn	10/8 1991		Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
32	256	Lê Chí Nguyễn	09/11 1991		Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

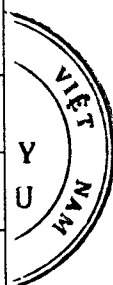
Phòng thi số: 311

Số lượng thí sinh: 33

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	257	Nguyễn Ý Nguyễn		16/3 1987	Xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	
2	258	Phan Chí Nguyễn	22/8 1992		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
3	259	Tiền Ý Nguyễn	20/10 1984		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	
4	260	Võ Thị Trang Nhã		01/01 1993	Xã Biên Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
5	261	Lâm Thị Thanh Nhân		08/3 1989	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
6	262	Trần Lý Mỹ Nhân		07/01 1987	Xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	
7	263	Trần Thị Ái Nhân		18/12 1992	Xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
8	264	Trương Chí Nhân	25/4 1997		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
9	265	Lê Hoàng Nhân	24/4 1987		Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
10	266	Nguyễn Hồng Nhanh		29/12 1982	Xã Biên Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
11	267	Đoàn Thị Nhánh		20/11 1990	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
12	268	Trần Minh Nhất	02/02 1992		Xã Nhơn Trạch, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	
13	269	Đoàn Yến Nhi		1992	Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
14	270	Dương Hồng Nhi		01/01 1991	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
15	271	Kiều Nhi		07/12 1990	Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
16	272	Lê Yến Nhi		06/7 1998	Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	273	Nguyễn Thị Nhi		15/7 1992	Xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
18	274	Nguyễn Tuyết Nhi		10/11 1993	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
19	275	Nguyễn Yến Nhi		19/9 1990	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
20	276	Phạm Ngọc Nhi		02/9 1987	Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
21	277	Trần Ý Nhi		25/5 1990	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
22	278	Lê Xuân Nhị		06/3 1985	Xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
23	279	Nguyễn Hồng Nhị		15/10 1989	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
24	280	Nguyễn Tuyết Nhiễm		17/9 1988	TT. U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
25	281	Nguyễn Ngọc Nhiễm		11/5 1986	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
26	282	Trương Kỳ Nhiễm	31/12 1995		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
27	283	Lương Kiều Nhiên		22/11 1984	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
28	284	Nguyễn Ngọc Nhiên		16/3 1981	Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
29	285	Trần Văn Nhiên	22/3 1987		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
30	286	Vưu Huỳnh Nhiên		16/5 1987	Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
31	287	Trịnh Hồng Nhiệt		15/8 1985	Xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
32	288	Nguyễn Thúy Nhiều		30/4 1997	Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
33	289	Nguyễn Chí Nhớ	01/01 1989		Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	



Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 312

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	290	Tô Thị Nhó		09/12 1984	Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
2	291	Huỳnh Thùy Như		27/02 1989	Xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	
3	292	Huỳnh Thùy Như		19/9 1995	Xã Tân Dân, Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
4	293	Lữ Thị Huỳnh Như		27/10 1990	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
5	294	Nguyễn Bích Như		03/4 1980	Xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
6	295	Nguyễn Tú Như		24/11 1993	Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
7	296	Trần Thị Huỳnh Như		22/3 1995	Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
8	297	Ngô Cẩm Nhung		10/5 1989	Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
9	298	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		22/02 1997	Xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
10	299	Tô Ni	29/5 1987		Xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
11	300	Nguyễn Trọng Ninh	01/01 1994		Xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	
12	301	Triệu Nhật Ninh	15/6 1990		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
13	302	Trần Ngọc Nữ		01/7 1989	Xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	
14	303	Nguyễn Hồng Ny		16/12 1990	Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
15	304	Nguyễn Kiều Oanh		18/3 1992	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
16	305	Trịnh Hoàng Oanh	30/7 1983		Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	306	Lê Văn Pháp	16/10 1987		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
18	307	Nguyễn No Phen	24/6 1987		Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
19	308	Phan Thị Phi		12/8 1990	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
20	309	Phan Minh Phoi	17/02 1988		Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
21	310	Nguyễn Thanh Phong	20/11 1979		Xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
22	311	Trần Minh Phong	10/5 1990		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
23	312	Bùi Tấn Phúc	25/9 1984		Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
24	313	Nguyễn Minh Phụng	11/7 1990		Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
25	314	Đặng Thị Mỹ Phương		21/7 1986	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
26	315	Lê Diễm Phương		28/6 1987	Xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	
27	317	Ngô Tú Phương		15/8 1985	Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
28	318	Nguyễn Minh Phương	21/10 1985		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
29	319	Đinh Thị Mỹ Phương		10/8 1984	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
30	320	Lê Thị Kiều Phương		16/7 1986	Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
31	321	Huỳnh Ngọc Phúy		27/7 1989	Thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	
32	322	Lê Văn Quân	16/5 1990		Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	

TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

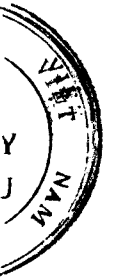
Phòng thi số: 313

Số lượng thí sinh: 33

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	323	Trần Văn Quân	01/01 1993		Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
2	324	Đặng Văn Quận	16/10 1983		Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
3	325	Nguyễn Văn Quang	15/02 1982		Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
4	326	Lưu Trọng Quốc	09/4 1977		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
5	327	Ngô Phú Quốc	25/10 1988		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
6	328	Võ Văn Quốc	25/11 1997		Xã An Xuyên, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
7	329	Đào Phương Quyên		29/12 1980	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
8	330	Nguyễn Tú Quyên		12/10 1985	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
9	331	Nguyễn Thúy Quỳnh		28/12 1997	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
10	332	Thái Ê Ra		21/11 1987	Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
11	333	Huỳnh Văn Rạng	1990		Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
12	334	Nguyễn Trường Sang	15/02 1994		Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
13	335	Nguyễn Văn Sáu	10/6 1983		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
14	336	Lưu Quốc Sĩ	26/10 1990		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
15	337	Phạm Văn Sil	18/12 1985		Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
16	338	Lữ Anh Sil	10/12 1991		Xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	339	Chung Quốc Phúc Sinh	02/7 1997		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
18	340	Lê Hồng Sơn	01/02 1987		Xã Hồ Thị Kỳ, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
19	341	Phạm Thị Sơn		28/5 1986	Khánh Hồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	
20	342	Trần Hải Sơn	26/3 1983		Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
21	343	Hà Quốc Sử	28/3 1983		Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
22	344	Tạ Quốc Sử	06/3 1985		Xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
23	345	Trần Quốc Sự	20/12 1990		Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
24	346	Nguyễn Tấn Tài	19/5 1988		Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
25	347	Đặng Văn Tâm	15/4 1983		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
26	348	Lê Khắc Tâm	26/7 1987		Xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Cà Mau	
27	349	Nguyễn Trí Tâm	29/3 1985		Xã An Xuyên, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
28	350	Nguyễn Minh Tâm	12/12 1980		Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
29	351	Nguyễn Duy Tân	24/7 1994		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
30	352	Phạm Việt Tân	20/5 1991		Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
31	353	Từ Hoàng Tân	06/8 1987		Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
32	354	Tô Minh Tấn	15/6 1986		Xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
33	355	Lê Thành Tặng	10/10 1976		Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

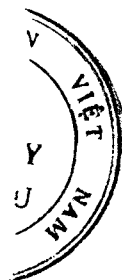
Phòng thi số: 314

Số lượng thí sinh: 31

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	356	Huỳnh Trần Tây	06/11 1997		Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
2	357	Tạ Văn Tây	02/01 1990		Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, Cà Mau	
3	358	Võ Hoàng Tây	16/7 1989		Xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
4	359	Cam Hoàng Thái	22/10 1990		Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
5	360	Khổng Chí Thái	10/3 1989		Xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
6	361	Trần Đoàn Quốc Thái	18/3 1991		Xã Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
7	362	Mai Hoàng Thám	20/8 1985		Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
8	363	Bùi Hoàng Thân	17/5 1986		Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	
9	364	Nguyễn Văn Thân	11/6 1983		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
10	365	Nguyễn Minh Thắng	18/8 1987		Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
11	366	Nguyễn Việt Thắng	12/4 1982		Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
12	367	Nguyễn Tân Thành	15/7 1985		Xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
13	368	Vương Đạt Thành	03/02 1996		Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
14	369	Hà Ngọc Thảo		24/9 1995	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
15	372	Nguyễn Thị Thảo		18/7 1998	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
16	373	Trần Duy Thảo	24/01 1988		Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	374	Trần Thị Thảo		21/02 1990	Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
18	375	Nguyễn Văn Thật	15/3 1984		Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
19	376	Nguyễn Ngọc Thêu		11/8 1981	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
20	377	Đào Hồng Thi		21/3 1984	Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
21	378	Nguyễn Hồng Thiêu		15/8 1986	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
22	379	Nguyễn Tấn Thịnh	16/10 1992		TT. Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
23	380	Đặng Văn Thoại	18/8 1982		Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
24	381	Hữu Huyền Vũ Thoại	23/12 1986		Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
25	382	Phạm Phi Thoàng	21/11 1986		Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
26	383	Châu Hoàng Thông	26/8 1987		Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
27	384	Đoàn Quốc Thống	19/10 1983		Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
28	385	Nguyễn Hoàng Thống	28/10 1986		Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
29	386	Lê Thị Hoài Thu		16/01 1996	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
30	387	Đào Minh Thư		14/4 1991	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
31	388	Lê Thị Anh Thư		20/3 1998	Xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

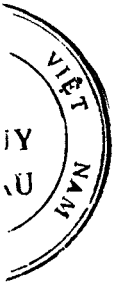
Phòng thi số: 315

Số lượng thí sinh: 32

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	389	Lý Anh Thư		20/10 1985	Xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
2	390	Nguyễn Anh Thư		17/4 1989	Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
3	391	Nguyễn Phương Thư		02/9 1996	Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
4	392	Từ Thị Anh Thư		02/4 1995	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
5	393	Biện Văn Thừa	08/4 1985		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
6	394	Thái Minh Thừa	23/12 1983		Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
7	395	Hà Lê Duy Thuận	28/6 1995		Xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	
8	396	Lê Thị Thu Thúy		01/6 1991	Huyện Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên Huế	
9	397	Liều Đình Diễm Thúy		04/3 1984	Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
10	398	Nguyễn Thị Thúy		02/4 1981	Xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
11	399	Phạm Phương Thúy		01/01 1980	TT Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
12	400	Triệu Thị Thúy		26/3 1985	Xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
13	401	Nguyễn Mộng Thùy		24/12 1984	Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
14	403	Trương Minh Thùy		04/10 1997	Xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	
15	404	Phan Thị Thùy		10/01 1987	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, Cà Mau	
16	405	Quang Thanh Thùy		06/01 1988	Xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	406	Nguyễn Lam Thuyền		01/01 1993	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
18	407	Nguyễn Bích Thuyền		13/11 1990	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
19	408	Lê Mỹ Tiên		16/10 1997	Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
20	409	Lê Thị Kiều Tiên		28/01 1994	Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
21	410	Nguyễn Thị Kiều Tiên		08/6 1992	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	411	Võ Kiều Tiên		15/01 1988	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
23	412	Lê Trung Tiến	07/11 1984		Xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
24	413	Lữ Kim Tiến		16/4 1996	Xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
25	414	Nguyễn Kim Tín		10/9 1994	Tỉnh Cà Mau	
26	415	Hà Phương Tính	24/3 1988		Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
27	416	Phan Duy Tính	10/11 1988		Xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
28	417	Trương Văn Tính	11/6 1990		Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
29	418	Lê Hoàng Toàn	01/01 1986		Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	
30	419	Võ Việt Toàn	06/5 1982		Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
31	420	Lưu Quốc Toàn	28/3 1993		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
32	421	Mã Văn Toàn	10/10 1986		Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

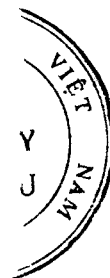
Phòng thi số: 316

Số lượng thí sinh: 31

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	423	Nguyễn Ngọc Trâm		10/10 1987	Huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
2	424	Võ Bích Trâm		20/7 1998	Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
3	425	Tạ Huyền Trân		02/9 1989	Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
4	426	Tô Huyền Trân		25/4 1992	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
5	427	Trần Huyền Trân		19/3 1993	Xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
6	428	Trần Thị Huyền Trân		04/6 1994	Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
7	429	Hà Thùy Trang		09/10 1990	Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
8	430	Lâm Kiều Trang		09/10 1993	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
9	431	Lê Thị Huyền Trang		28/8 1988	Xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	
10	432	Lê Thị Thảo Trang		25/5 1991	Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
11	433	Lê Thị Thùy Trang		08/3 1987	Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
12	434	Nguyễn Thảo Trang		20/11 1991	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
13	435	Quách Thị Thùy Trang		16/3 1988	Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
14	436	Quách Thùy Trang		10/4 1985	Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
15	437	Tiêu Kiều Trang		10/11 1986	Xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
16	438	Trương Thùy Trang		13/5 1996	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	



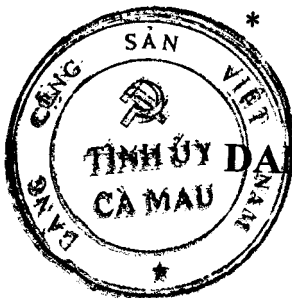
TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
17	439	Phạm Quốc Trạng	15/01 1991		Xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
18	440	Nguyễn Mỹ Tre		24/5 1992	Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
19	441	Tạ Thanh Anh Trí	04/9 1987		Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
20	442	Phạm Thanh Trị	24/10 1996		Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
21	443	Biện Minh Triều	12/6 1990		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	444	Lê Việt Triều	21/9 1984		Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
23	445	Trần Thúc Trinh	11/3 1986		Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
24	446	Nguyễn Thanh Trọng		15/8 1992	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
25	447	Thái Văn Trọng	13/11 1983		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
26	448	Nguyễn Trang Trọng	18/9 1993		Xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
27	449	Trần Bình Trọng	15/8 1984		Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
28	450	Hồ Trọng Trung	04/10 1991		Xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
29	451	Thái Quốc Trường	08/8 1986		Xã Tân An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
30	453	Quách Cẩm Tú		01/01 1987	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
31	454	Trần Thị Cẩm Tú		03/12 1983	Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	



TỈNH ỦY CÀ MAU
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 05 tháng 01 năm 2021



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1
MÔN NGOẠI NGỮ
(thời gian thi 30 phút)

Phòng thi số: 317

Số lượng thí sinh: 33

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	455	Trần Thu Tư		08/9 1988	Xã An Xuyên, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau	
2	456	Huỳnh Quốc Tuấn	28/8 1990		Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
3	457	Nguyễn Thanh Tuấn	24/12 1985		Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	
4	458	Nguyễn Hồng Tươi		06/3 1982	Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
5	459	Nguyễn Bích Tuyền		13/9 1998	Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
6	460	Phan Bích Tuyền		24/5 1987	Xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
7	461	Trần Thị Phương Tuyền		24/5 1990	Xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
8	462	Trương Bích Tuyền		10/10 1990	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
9	463	Nguyễn Ánh Tuyết		27/9 1986	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
10	464	Dương Quốc Tỷ	19/4 1987		Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
11	465	Lê Thị Út		14/4 1986	Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
12	466	Hà Minh Văn	05/6 1988		Xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
13	467	Tô Minh Việt	27/5 1985		Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	
14	468	Trương Văn Vinh	06/10 1986		Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
15	469	Trần Thị Vui		20/6 1987	Xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Ghi chú
			Nam	Nữ		
16	470	Nguyễn Minh Vương	16/6 1992		Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
17	471	Dương Khánh Vy		22/12 1997	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
18	472	Võ Nguyễn Kiều Vy		11/02 1994	Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	
19	473	Tạ Mít Xiêl	04/4 1990		Xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
20	474	Lê Văn Xiêm	02/4 1987		Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
21	475	Nguyễn Hồng Xiêm		19/5 1989	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
22	476	Phan Thanh Xuân		26/3 1983	TT Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
23	477	Thang Thanh Xuân		25/01 1989	Xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
24	478	Lê Mỹ Xuyên		19/8 1980	Xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
25	479	Phạm Mỹ Xuyên		02/02 1990	Xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
26	480	Huỳnh Kim Xuyên		20/3 1987	Xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	
27	481	Nguyễn Thị Như Ý		22/11 1988	Xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
28	482	Lê Thái Yên	03/9 1981		Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
29	483	Trần Thị Yên		17/12 1986	Xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	
30	484	Nguyễn Kim Yến		10/11 1987	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
31	485	Phạm Ngọc Yến		1990	Xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
32	486	Trần Ngọc Yến		30/9 1995	Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	
33	487	Trần Thị Yến		16/8 1986	Xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	

